

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-64 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Trung	Ủy viên
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Mai Việt Sinh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm từ ngày 20/3/2009)
Ông Trần Ngọc Châu	Tổng Giám đốc	(đến ngày 19/3/2009)
Ông Trần Việt Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lèo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi không thực hiện được việc soát xét hồ sơ kiểm toán từ kiểm toán viên năm trước và cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ của bảng cân đối kế toán cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

Đây là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đầu tiên của Công ty được soát xét. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008) trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chưa được thực hiện soát xét. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu so sánh này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

Các vấn đề phát hiện khi thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty đầu tư mua cổ phiếu của một số công ty chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán với giá gốc tại ngày 30/6/2009 là 6.115.226.429 đồng (tại ngày 31/12/2008 là 9.316.036.839 đồng) và đầu tư quyền mua các căn hộ, đất nền với số tiền tại ngày 30/6/2009 là 16.878.832.810 đồng (tại ngày 31/12/2008 là 14.796.237.663 đồng). Do không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này. Chúng tôi cũng không thể áp dụng được các thủ tục thay thế để đánh giá mức dự phòng cần phải trích lập của các khoản đầu tư này, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị các khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/6/2009

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		426,004,405,030	386,376,667,826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25,462,318,628	40,744,215,315
1. Tiền	111		20,962,318,628	25,804,455,315
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,500,000,000	14,939,760,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	28,111,641,943	20,809,747,924
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30,604,424,943	26,177,903,446
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,492,783,000)	(5,368,155,522)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168,219,312,093	133,643,634,221
1. Phải thu khách hàng	131		63,594,327,298	80,311,960,713
2. Trả trước cho người bán	132		88,287,400,228	27,790,308,166
3. Các khoản phải thu khác	135	6	16,337,584,567	25,541,365,342
IV. Hàng tồn kho	140	7	187,323,907,176	180,932,031,319
1. Hàng tồn kho	141		194,712,243,803	191,941,323,137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,388,336,627)	(11,009,291,818)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,887,225,190	10,247,039,047
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,939,606,768	6,493,088,650
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		591,528,682	1,501,338,648
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,356,089,740	2,252,611,749
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		32,560,798,458	23,289,035,743
I. Tài sản cố định	220		28,246,748,995	19,245,260,624
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	11,676,301,327	11,464,760,205
- Nguyên giá	222		17,569,544,985	16,475,177,713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,893,243,658)	(5,010,417,508)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	6,261,999,990	1,265,669,811
- Nguyên giá	228		6,327,254,127	1,316,209,640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65,254,137)	(50,539,829)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	10,308,447,678	6,514,830,608
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,859,975,558	3,747,951,958
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	3,859,975,558	3,747,951,958
III. Tài sản dài hạn khác	260		454,073,905	295,823,161
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		333,973,905	175,723,161
2. Tài sản dài hạn khác	268		120,100,000	120,100,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		458,565,203,488	409,665,703,569

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/6/2009

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		236,276,846,557	177,852,464,356
I. Nợ ngắn hạn	310		216,706,487,867	177,836,399,664
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	178,612,756,825	145,459,078,196
2. Phải trả người bán	312		12,789,104,120	10,733,966,455
3. Người mua trả tiền trước	313		12,438,000,051	7,476,772,085
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2,733,608,755	7,056,535,338
5. Phải trả người lao động	315		562,783,669	2,699,263,570
6. Chi phí phải trả	316		327,566,865	973,838,427
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	9,242,667,582	3,436,945,593
II. Nợ dài hạn	330		19,570,358,690	16,064,692
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	19,546,914,198	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		23,444,492	16,064,692
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		222,288,356,931	231,813,239,213
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	220,973,956,651	231,372,438,933
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107,431,920,000	107,431,920,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,266,897,909	79,266,897,909
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2,089,741,544)	(2,089,741,544)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17,340,056,655	7,966,476,132
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,346,611,778	3,346,611,778
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		13,678,211,853	35,450,274,658
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,314,400,280	440,800,280
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,314,400,280	440,800,280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		458,565,203,488	409,665,703,569

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2009	31/12/2008
1 Ngoại tệ các loại (USD)	733.406	1.025.834,00

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lan

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	469,785,894,064	1,038,794,169,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	(4,578,977,316)	(1,268,971,500)
- Thuế xuất khẩu			(4,578,977,316)	(1,268,971,500)
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		465,206,916,748	1,037,525,198,064
4. Giá vốn hàng bán	11	19	452,769,250,803	990,832,470,300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,437,665,945	46,692,727,764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	18,780,743,401	18,627,321,916
7. Chi phí tài chính	22	21	8,243,392,176	14,238,159,270
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,856,424,185	9,711,065,647
8. Chi phí bán hàng	24		12,867,242,685	18,038,305,962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,052,422,831	6,292,655,649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5,055,351,654	26,750,928,799
11. Thu nhập khác	31		580,648,412	392,837,265
12. Chi phí khác	32		115,177,642	131,411,376
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	40		465,470,770	261,425,889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,520,822,424	27,012,354,688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	656,384,443	4,190,586,499
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,864,437,981	22,821,768,189
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	62		4,864,437,981	22,821,768,189
18. Lãi trên cổ phiếu	70		462	2,304

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lan

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	193.565.527.352	1.018.201.353.144
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(190.713.247.355)	(821.187.272.873)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.168.132.199)	(4.884.692.110)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.822.820.018)	(9.045.886.984)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(6.659.760.304)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.969.744.940	38.938.530.098
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(62.199.497.200)	(176.392.275.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.368.424.480)	38.969.995.049
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(367.032.578)	(199.133.850)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.608.546.824)	(20.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	51.162.500.064	20.400.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	320.064.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.067.048.118	7.776.293.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.253.968.780	7.897.224.092
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.637.732.444)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	342.408.060.736	247.486.720.274
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(309.254.140.323)	(289.575.828.721)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.442.124.500)	(4.864.014.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.711.795.913	(48.590.855.291)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.402.659.787)	(1.723.636.150)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	40.744.215.315	24.168.216.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	120.763.100	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	25.462.318.628	22.444.580.360

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lan

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (“Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 0838/2004/QĐ-BTM ngày 23/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Petrolimex thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex. Công ty được cấp giấy đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu tiên vào ngày 01/10/2004 và đến thời điểm 30/6/2009, Công ty đã 7 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trong Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 30/3/2009 là 107.431.920.000 đồng.

Tại ngày 30/6/2009, Công ty có 02 công ty con như sau:

- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000319 ngày 02/4/2008) ; và
- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09/10/2007).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2009 là 107 người (31/12/2008 là 97 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính riêng của Công ty (công ty mẹ) và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Công ty thực hiện ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán hàng hóa đến ngày 13/8/2009 để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm ngày 30/6/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm quản lý. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Các phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-3 năm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản trích các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán, lãi trả chậm, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc có quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày 30/6/2009 được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20/2/2009 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam). Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 30/6/2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	81.665.472	176.175.628
Tiền gửi ngân hàng	20.880.653.156	25.628.279.687
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	14.939.760.000
	25.462.318.628	40.744.215.315

(*) Các khoản tương đương tiền của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn 8 ngày của Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB), thời hạn đáo hạn là ngày 01/7/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (1)	13.725.592.133	11.381.665.783
Đầu tư ngắn hạn khác (2)	16.878.832.810	14.796.237.663
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.492.783.000)	(5.368.155.522)
	28.111.641.943	20.809.747.924

(1) Bao gồm các chứng khoán sau:

Chứng khoán	30/6/2009		31/12/2008	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Âu Lạc	13.000	410.000.000	13.000	410.000.000
Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước (RAL)	9	1.146.429	3.619	476.036.839
Công ty Cổ phần Cấp & Vật liệu Viễn Thông (SAM)	1	10.000	1	10.000
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre (ABT)	9	973.944	7.789	832.874.424
Công ty Khoáng Sản & Xây dựng Bình Dương	45.000	2.400.000.000	30.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre	45.000	1.080.000.000	45.000	1.080.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	50.000	5.250.000.000	50.000	5.250.000.000
Công ty Khoáng Sản & Kim loại màu Nghệ Tĩnh	235.340	2.829.080.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	19.000	718.935.000	-	-
Ngân hàng Á Châu ACB	14.000	768.433.800	-	-
Công ty Cổ phần Vận Tải xăng dầu	15.000	267.012.960	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	3.000	366.732.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	-	-	2.000	203.962.800
Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	-	-	1.490	226.481.720
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC	-	-	130	1.300.000
Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh (TRC)	-	-	1.000	134.268.000
		13.725.592.133		11.381.665.783

(2) Là số tiền trả theo tiến độ hợp đồng khi thực hiện mua bất động sản. Cụ thể:

Bất động sản	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Quyền mua căn hộ R1.19.06 Everich	4.115.809.251	3.864.214.104
Quyền mua căn hộ The Manor Số 1419	1.265.899.000	1.265.899.000
Quyền mua căn hộ The Manor Số 1420	1.811.205.000	1.811.205.000
Quyền mua nền A9-46 Dự án Phú Xuân - Nhà Bè	921.600.000	-
Quyền mua nền C51 Dự án Tân An Huy	3.200.400.000	-
Quyền mua nền C43 Dự án ADC	2.114.000.000	-
Quyền mua bất động sản của Công ty Thái Sơn	3.449.919.559	3.444.919.559
Quyền mua nền Y14-An Phú Hưng	-	4.410.000.000
	16.878.832.810	14.796.237.663

Các khoản đầu tư vào bất động sản này là các khoản đầu tư quyền mua các căn hộ, đất nền tại các dự án và Công ty có dự định bán trong tương lai gần. Do vậy, Ban Giám đốc quyết định trình bày vào khoản mục các khoản đầu tư ngắn hạn để phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ đầu tư thay vì phản ánh vào khoản mục bất động sản đầu tư. Tại ngày 30/6/2009, Do không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng (*)	12.194.914.454	9.228.127.170
Phải thu về lệ phí xăng dầu	152.080.200	-
Phải thu người lao động về khoản vay của ACB Tân Bình (**)	2.285.605.903	3.378.212.071
Phải thu khác	1.704.984.010	12.935.026.101
Cộng	16.337.584.567	25.541.365.342

(*) Là các khoản lãi phải thu do khách hàng thanh toán tiền hàng không đúng với tiến độ theo quy định trong hợp đồng, cụ thể:

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tên khách hàng		
Công ty TNHH SX TM Hiệp Chấn Thành	681.594.145	-
Cửa Hàng Đức Trung	196.945.257	196.945.257
Công ty TNHH Bình An	4.700.651.831	4.580.313.244
DNTN Thương Mại Long Trung	193.342.373	193.342.373
Chi Nhánh Công ty TNHH SX DV TM Hùng Nga	1.560.936.598	1.454.191.141
Công ty TNHH Điện Tử Điện Lạnh Bình Minh	2.279.040.586	1.383.968.424
Công ty TNHH TM-XD Giao Thông Thu Dũng	10.049.514	10.049.514
Công ty TNHH Thương Mại Đông á	-	1.409.317.217
Công ty Cổ phần Gia Lợi	2.572.354.150	-
	12.194.914.454	9.228.127.170

(**) Là khoản phải thu một số cán bộ công nhân viên do Công ty thực hiện vay hộ từ Ngân hàng ACB Tân Bình cho mục đích mua chứng khoán của Công ty khi cổ phần hóa.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng hóa	194.712.243.803	186.107.315.887
Hàng gửi đi bán	-	5.834.007.250
Tổng cộng	194.712.243.803	191.941.323.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.388.336.627)	(11.009.291.818)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	187.323.907.176	180.932.031.319

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	10.993.561.948	1.473.231.591	2.527.382.679	1.481.001.495	16.475.177.713
Tăng trong năm	904.077.273	299.289.999	11.000.000	-	1.214.367.272
Mua trong năm	-	179.289.999	11.000.000	-	190.289.999
Đầu tư XDCB hoàn thành	100.000.000	-	-	-	100.000.000
Tăng khác	804.077.273	120.000.000	-	-	924.077.273
Giảm trong năm	120.000.000	-	-	-	120.000.000
Giảm khác	120.000.000	-	-	-	120.000.000
Tại ngày 30/6/2009	11.777.639.221	1.772.521.590	2.538.382.679	1.481.001.495	17.569.544.985
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	1.831.837.643	532.876.728	1.654.421.456	991.281.681	5.010.417.508
Tăng trong năm	516.051.618	114.497.421	96.303.245	155.973.866	882.826.150
Trích khấu hao	516.051.618	114.497.421	96.303.245	155.973.866	882.826.150
Tại ngày 30/6/2009	2.347.889.261	647.374.149	1.750.724.701	1.147.255.547	5.893.243.658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2009	9.429.749.960	1.125.147.441	787.657.978	333.745.948	11.676.301.327
Tại ngày 31/12/2008	9.161.724.305	940.354.863	872.961.223	489.719.814	11.464.760.205

Trong đó, nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.829.801.460 đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2009	1.205.192.140	111.017.500	1.316.209.640
Mua trong năm	5.011.044.487	-	5.011.044.487
Tại ngày 30/6/2009	6.216.236.627	111.017.500	6.327.254.127
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	-	50.539.829	50.539.829
Trích khấu hao	-	14.714.308	14.714.308
Tại ngày 30/6/2009	-	65.254.137	65.254.137
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2009	6.216.236.627	45.763.363	6.261.999.990
Tại ngày 31/12/2008	1.205.192.140	60.477.671	1.265.669.811

Trong đó, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 746 An Phú - Thuận An - Bình Dương có nguyên giá là 5.011.044.487 đồng đã được thế chấp tại Ngân hàng PG Bank vào ngày 15/5/2009 để vay vốn với hạn mức tín dụng là 3,5 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0508.SG/HDTDHM/PGB ngày 13/5/2009, thời hạn thế chấp là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công trình nhà máy sơn Petrolimex (*)	10.308.447.678	6.476.735.370
Dự án đầu tư Nhà máy Hóa dầu Petrolimex	-	38.095.238
	10.308.447.678	6.514.830.608

(*) Toàn bộ giá trị đầu tư công trình, dây chuyền máy móc thiết bị trong tương lai đều đã được thế chấp tại ngân hàng, chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 16.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2009 như sau:

Tên Công ty con	Ngày thành lập	Giá trị đầu tư 30/6/2009	Giá trị đầu tư 30/6/2008
		VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	4/2/2008	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	10/9/2007	15.000.000.000	15.000.000.000
		30.000.000.000	30.000.000.000

Các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết thông tin về các công ty con này của Công ty tại ngày 30/6/2009 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Bình Dương	100%	Kinh doanh XNK hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ. Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, XNK khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại, trụ sở). ..
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu. Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty CP Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.507.903.958
Công ty CP Khoáng sản Hà Giang	240.053.000	240.048.000
	3.859.975.558	3.747.951.958

Tại 30/6/2009, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần sơn Đồng Nai 3.619.922.558 đồng với mục đích hợp tác kinh doanh học hỏi kinh nghiệm. Tính đến thời điểm 30/6/2009, Công ty đang nắm giữ 146.836 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,88% trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này và không có dấu hiệu giảm giá do vậy Công ty không phải ghi nhận dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (1)	166.782.536.644	121.276.209.641
Tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (2)	3.690.000.000	19.707.868.555
Tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (3)	8.140.220.181	4.475.000.000
	178.612.756.825	145.459.078.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất (%) / năm	Thời hạn vay (tháng)	Hạn mức tín dụng (VND)	Số dư nợ gốc VND	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
(1) Tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex							
09.721002/HĐTDHM	Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Theo GNN	Theo GNN	90.000.000.000	66.214.860.961	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
0137/KH/08/NH	Ngân hàng Ngoại thương TP. HCM	Theo GNN	Theo GNN	180.000.000.000	55.835.142.405	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
0122/HD9TD2-VIB625/08	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Theo GNN	Theo GNN	50.000.000.000	44.732.533.278	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(2) Tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội							
06/2009/HĐTD	PG Bank	10,50%	Theo GNN	15.000.000.000	3.690.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(3) Tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương							
09/TD-NH/NHQĐ-CL	NH TMCP Quân Đội	Theo GNN	3 tháng	3.000.000.000	1.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	61 tấn tiêu với giá 38.000 đồng/kg (*)
016/TD-NH/NHQĐ-CL	NH TMCP Quân Đội	Theo GNN	3 tháng	2.975.000.000	2.975.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
0508.SG/HĐTD/PGB	PG Bank	10,50%	3 tháng	3.665.220.181	3.665.220.181	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất
					178.612.756.825		

(*) - Đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên, Công ty chưa thanh toán cho Ngân hàng do Ngân hàng đã làm mất bộ chứng từ xuất khẩu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	299.783.577
Thuế xuất nhập khẩu	2.460.258.757	5.101.947.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.301.864	651.595.513
Thuế thu nhập cá nhân	55.693.515	702.800.868
Các loại thuế khác	49.354.619	300.407.869
	2.733.608.755	7.056.535.338

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội BHYT	52.233.936	40.442.418
Kinh phí công đoàn	145.452.141	135.493.875
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	290.564.330	325.715.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	8.754.417.175	2.935.294.300
	9.242.667.582	3.436.945.593

(*) Bao gồm một số khoản:

Phải trả ACB Tân Bình các khoản vay hộ cán bộ công nhân viên (**)	1.918.500.000	2.810.000.000
Cổ tức của các cổ đông	6.678.557.800	
Các khoản khác	157.359.375	125.294.300
Cộng	8.754.417.175	2.935.294.300

(**) Là khoản phải trả Ngân hàng ACB Tân Bình do Công ty thực hiện vay hộ cho một số cán bộ công nhân viên của Công ty để mua cổ phiếu của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	19.546.914.198	
	19.546.914.198	-

Vay dài hạn theo Hợp đồng vay vốn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04/3/2009 ký với Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương - TP. HCM. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất 6,5%/năm, mục đích vay để đầu tư dự án. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ân hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy sơn Petrolimex theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04/3/2009 có giá trị: 61.053.829.200 đồng.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² có giá trị định giá là 26.856.876.218 đồng, theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04/03/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	97.704.790.000	79.266.897.909	(800.000)	1.966.476.132	1.346.611.778	43.639.072.457	223.923.048.276
Số tăng trong năm trước	9.727.130.000	-	(2.088.941.544)	6.000.000.000	2.000.000.000	16.034.432.289	31.672.620.745
Tăng vốn trong kỳ trước	9.727.130.000	-	-	-	-	-	9.727.130.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	16.034.432.289	16.034.432.289
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	6.000.000.000	2.000.000.000	-	8.000.000.000
Tăng khác	-	-	(2.088.941.544)	-	-	-	(2.088.941.544)
Số giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	24.223.230.088	24.223.230.088
Giảm khác	-	-	-	-	-	24.223.230.088	24.223.230.088
Số dư tại 31/12/2008	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	7.966.476.132	3.346.611.778	35.450.274.658	231.372.438.933
Số tăng trong kỳ	-	-	-	9.373.580.523	2.000.000.000	6.543.683.967	17.917.264.490
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	6.543.683.967	6.543.683.967
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	9.373.580.523 (*)	2.000.000.000	-	11.373.580.523
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	28.315.746.772	28.315.746.772
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	28.315.746.772	28.315.746.772
Số dư tại 30/6/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	17.340.056.655	5.346.611.778	13.678.211.853	220.973.956.651

(*) Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% số phải nộp năm 2006 và 2007 theo quy định tại Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc “Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức niêm yết chứng khoán”. Ban Giám đốc Công ty quyết định bổ sung khoản thuế được miễn giảm này vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Công văn số 499 TC/TCĐN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính về việc “Quản lý hạch toán khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm tại các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến 30/6/2009		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
1. Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	5,553,900	51.70%	55,539,000,000	5,553,900	51.70%	55,539,000,000
2. Công ty TNHH Quỹ đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	518,000	4.82%	5,180,000,000	518,000	4.82%	5,180,000,000
3. Các cổ đông khác	4,671,292	43.48%	46,712,920,000	4,671,292	43.48%	46,712,920,000
	10,743,192		107,431,920,000	10,743,192		107,431,920,000

Ngày 10/7/2009, Công ty TNHH Quỹ đầu tư Chứng khoán Bảo Việt đã thông báo thực hiện giao dịch cổ phiếu có liên quan đến cổ đông nội bộ. Số lượng giao dịch: 518.000 cổ phần. Tên người có liên quan: Bùi Tuấn Trung- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Thời gian giao dịch: từ ngày 10/7/2009 đến 11/01/2010.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 16/2009/NQ-DHCD ngày 20/3/2009, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2008 cho các cổ đông là 15%/cổ phần.

Cổ phiếu

	30/06/2009 VND	31/12/2008 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.655.592	10.655.592
Cổ phiếu phổ thông	10.655.592	10.655.592

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại thời điểm 30/6/2009 không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty là 87.600 cổ phần. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Các Quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 16/2009/NQ-DHCD ngày 20/3/2009, theo đó Công ty đã trích lập trích lập Quỹ Dự phòng tài chính với số tiền 2.000.000.000 đồng và Quỹ Khen thưởng với số tiền 1.000.000.000 đồng.

18. DOANH THU

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.785.894.064	1.038.794.169.564
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.578.977.316)	(1.268.971.500)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	465.206.916.748	1.037.525.198.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU (TIẾP THEO)

Doanh thu chi tiết theo từng mặt hàng như sau:

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Xăng dầu	28.886.644.480	108.445.583.294
Cao su	77.575.893.958	250.085.211.548
Sắn	3.187.693.830	9.987.878.991
Tiêu	133.241.453.399	260.749.813.121
Nông sản khác	7.325.931.633	19.172.864.918
Sắt thép	55.380.132.173	133.516.161.255
Điện tử	86.527.407.766	83.012.741.425
Hạt nhựa	38.270.565.595	70.901.554.806
Cà phê	11.912.587.486	-
Lốp xe		282.837.000
Thiếc	25.750.158.744	71.074.176.706
Thẻ cào	1.727.425.000	31.565.346.500
	469.785.894.064	1.038.794.169.564

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	452.769.250.803	990.832.470.300
Giá vốn hàng bán	452.769.250.803	990.832.470.300

Giá vốn chi tiết theo từng mặt hàng như sau:

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Xăng dầu	27.607.306.595	106.778.255.376
Cao su	78.794.632.000	240.219.983.100
Sắn	2.649.039.780	8.800.139.760
Tiêu	129.640.967.276	245.686.933.794
Nông sản khác	6.583.039.730	17.922.064.796
Sắt thép	59.963.170.331	126.629.613.127
Điện tử	77.629.943.302	79.705.529.479
Hạt nhựa	35.381.151.090	66.881.598.237
Cà phê	12.608.855.878	-
Lốp xe	-	199.584.000
Thiếc	20.593.437.748	68.751.644.532
Thẻ cào	1.317.707.073	29.257.124.099
	452.769.250.803	990.832.470.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.999.005	1.189.895.627
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	11.617.000	2.771.186.404
Cổ tức, lợi nhuận được chia	176.311.200	1.046.510.520
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.399.821.536	9.545.824.936
Lãi bán hàng trả chậm	5.545.444.660	591.445.137
Thu về hoạt động đầu tư BĐS	401.550.000	3.427.973.046
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	54.486.246
	18.780.743.401	18.627.321.916

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Chi phí đi vay	3.856.424.185	9.711.065.647
Chi phí đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, cổ phiếu (*)	(1.211.770.656)	1.582.682.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.683.182.529	2.938.805.818
Chi phí trả chậm	135.755.208	
Chi về hoạt động đầu tư BĐS	779.800.910	
Chiết khấu thanh toán		5.604.810
	8.243.392.176	14.238.159.270

(*) Phát sinh âm do hoàn nhập dự phòng trong kỳ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đã trích lập tại ngày 31/12/2008 lớn hơn số tiền lỗ do bán các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Cụ thể: số hoàn nhập trong kỳ là khoảng 2,9 tỷ đồng, trong khi đó số trích lập và phí bán chứng khoán là khoảng 1,7 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	5.520.822.424	27.012.354.688
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(2.181.474.039)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>155.539.316</i>	-
Thu nhập chịu thuế	3.494.887.701	27.012.354.688
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	937.262.342	7.563.459.313
Thuế thu nhập được giảm (*)	(280.877.899)	(3.372.872.814)
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	656.384.443	4.190.586.499

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong Quý 4/2008 và năm 2009 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 300 người.

Số thuế được miễn giảm cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến 30 tháng 06 năm 2008 là số thuế được miễn tạm tính do đạt tỷ lệ xuất khẩu theo quy định và đã được quyết toán trong năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

23.1 Các cam kết mua hàng

Tên nhà cung cấp	Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hoá mua	SL mua	Đơn vị	Giá trị mua hàng USD VND	Thời gian giao hàng
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Đồng Châu	06/2009/HDMB/KD2-DC	03/06/2009	cao su SVR10	100	Tấn	2.532.600.000	05/07/2009
Công ty TNHH Mai Thảo	04/2009/HDMB/KD2-MT	04/06/2009	cao su SVR10	40	Tấn	1.016.400.000	20/06/2009
Công ty TNHH SX-TM-DV XNK Kim Huỳnh	64/2009 KH	25/06/2009	cao su SVR3L	100	Tấn	2.814.000.000	30/06/2009
Công ty TNHH SX-TM-DV XNK Kim Huỳnh	67/2009 KH	30/06/2009	cao su SVR3L	180	Tấn	5.140.800.000	07/07/2009
Công ty TNHH Đình Huy	03/2009/HDMB/KD2-DH	08/06/2009	cao su SVR3L	100	Tấn	2.971.500.000	12/06/2009
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch vụ Đỗ Nguyễn	11/2009/HDMB/KD2-DN	30/06/2009	cao su SVR10	9,2	Tấn	241.500.000	03/07/2009
Doanh Nghiệp Tư Nhân Tâm Liên	102/2009/TLIE6N	15/06/2009	TIÊU ĐEN LOẠI 450G/L	52	Tấn	1.976.520,00	Tháng 09/2009
XNK PETROLIMEX CN BÌNH DƯƠNG	096/2009/PITCO BD	6/1/2009	TIÊU ĐEN 500 G/L	27	Tấn	972.405,00	Tháng 09/2009
Better Source Appliances (Suzhou) Ltd	BE1165-1	19/6/2009	Microcomputer Rice Cooker, Jar Pot	1.500	Cái	\$ 68.745,00	30/8/2009
Better Source Appliances (Suzhou) Ltd	BE1166	19/6/2009	Rice cooker	1.640	Cái	\$ 31.980,00	30/8/2009
Better Source Appliances (Suzhou) Ltd	BE1163	19/6/2009	Rice cooker	4.850	Cái	\$ 61.710,00	30/8/2009
Sumitomo Corporation	KJLE-09-2010-NH	16/6/2009	Stainless Steel	30.000	Kg	\$ 84.000,00	30/11/2009
Ching-Hann Industries Co., Ltd	NG090611	11/6/2009	Stainless Steel	6.000	Kg	\$ 17.740,00	15/7/2009
Sumitomo Corporation	KJLE-09-2007-NH	8/5/2009	Stainless Steel	36.000	Kg	\$ 93.600,00	30/9/2009
ThyssenKrupp Manex Asia	AW3297	9/4/2009	Steel	1.984.000	Kg	\$ 819.392,00	20/8/2009
ExxonMobil Asia Pacific	20167805	6/12/2009	Hạt nhựa LLDPE	74,25	Tấn	\$ 85.387,50	15/7/2009
ExxonMobil Asia Pacific	20167813	6/12/2009	Hạt nhựa LLDPE	99	Tấn	\$ 133.897,50	15/7/2009
Kimtaz Kimya Gubke Tarim	nzk0c3	18/5/2009	Lưu huỳnh	250	Tấn	\$ 20.750,00	7/5/2009
SCG Chemicals	sc.09/0533	6/10/2009	PE Wax	15	Tấn	\$ 17.400,00	15/7/2009
AmaMetal Distic	nzk0c4	6/4/2009	Lưu huỳnh	500	Tấn	\$ 41.500,00	31/7/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT (TIẾP THEO)

23.2. Các cam kết bán hàng

Tên nhà cung cấp	Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hoá mua	SL mua	Đơn vị	Giá trị mua hàng USD VND	Thời gian giao hàng
Công ty TNHH Đầu Tư và TM Hoàng Vũ	09/2009/HĐMB/KD2-HV	30/06/2009	cao su SVR3L	100	Tấn	2.950.500.000	06/07/2009
YUHW A Trading Co., Ltd	PITCO-YUHW A/200-03	19/06/2009	cao su SVR10	19,2	Tấn	488.716.800	08/07/2009
"ALMIRA" LLC	PITCO-PORT/2009-06	25/06/2009	cao su SVR3L	80	Tấn	2.236.056.800	05/07/2009
"ALMIRA" LLC	PITCO-PORT/2009-07	30/06/2009	cao su SVR3L	80	Tấn	2.312.965.760	05/07/2009
FOUAD N.ELIAN	076/FNE	22/06/2009	TIÊU ĐEN 500G/L	27	Tấn	\$ 59.400,00	30/06/2009
WINFOOD	072/WFI	6/12/2009	TIÊU ĐEN 450 G/L	52	Tấn	\$ 110.240,00	Tháng 7,8,9/2009
SA.RAWTHER SPICE	0904/00480	17/04/2009	TIÊU ĐEN 550G/L SÀN 5MM	150	Tấn	\$ 333.750,00	Tháng 7,8,9/2009
SA.RAWTHER SPICE	P38378,P38379,P38380	15/04/2009	TIÊU ĐEN 550G/L	75	Tấn	\$ 161.250,00	16/07/2009
HENWILL ENTERPRISES	79/HWE	26/06/2009	TIÊU ĐEN 500G/L	58	Tấn	\$ 62.785,00	8/07-17/07/2009
COMARK VENTURE	80/WIN	30/06/2009	TIÊU ĐEN ASTA 500G/L	42	Tấn	\$ 98.519,82	7/3/2009
COMARK VENTURE	80/WIN	30/06/2009	TIÊU ĐEN ASTA 550 G/L	15	Tấn	\$ 36.469,95	7/3/2009
COMARK VENTURE	80/WIN	30/06/2009	TIÊU ĐEN 500G/L	13,5	Tấn	\$ 29.809,89	7/3/2009
UK SPICE	78/WIN	26/06/2009	TIÊU ĐEN ASTA 500G/L	14	Tấn	\$ 33.069,96	7/3/2009
COMARK VENTURE	77/WIN	25/06/2009	TIÊU ĐEN ASTA 500G/L	28	Tấn	\$ 66.379,60	7/2/2009
Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Bình Minh	HĐ 47/2009/HĐMB/KD4-BM	29/6/2009	Nồi cơm, bình đun điện tử hiệu Sanyo	1.500	Cái	\$ 82.929,00	1/9/2009
Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Bình Minh	HĐ 46/2009/HĐMB/KD4-BM	29/6/2009	Nồi cơm điện hiệu Sanyo	1.640	Cái	\$ 40.048,80	1/9/2009
Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Bình Minh	HĐ 45/2009/HĐMB/KD4-BM	29/6/2009	Nồi cơm điện hiệu Sanyo	4.850	Cái	\$ 77.447,00	1/9/2009
Công ty TNHH An Tuấn	HĐ 44/2009/HĐMB-AT	25/6/2009	Thép	927.917,10	Kg	9.093.587.580	6/7/2009
Cty TNHH Hùng Nga	02/2009/hdmb/kd5-hn	17/6/2009	Hạt nhựa LLDPE	173,25	Tấn	4.537.743.210	Tháng 7,8,9/2009
Cty CP Gia Lợi	08/2009/hdmb/kd5-gl	5/5/2009	Hạt nhựa LLDPE	108	Tấn	2.595.589.920	Tháng 7,8,9/2009
Cty Thiên Phú Lộc	14/2009/hdmb/kd5-tp1	22/5/2009	Lưu huỳnh	250	Tấn	429.870.000	Tháng 7,8,9/2009
Cty Hiệp Chấn Thành	16/2009/hdmb/kd5-hct	6/10/2009	PE Wax	15	Tấn	358.314.000	Tháng 7,8,9/2009
Cty Thiên Phú Lộc	15/2009/hdmb/kd5-tp1	6/4/2009	Lưu huỳnh	500	Tấn	859.740.000	Tháng 7,8,9/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 chưa được soát xét.